

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 02 – 2025
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Tuyết Ngọc.
- Ông Ngô Văn Cơ.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T.**

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (Vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Trần Văn L.**

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 29-3-2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2008 bà Lê Thị T với ông Trần Văn L cưới nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 26-8-2008. Ông, bà sống hạnh phúc được 10 năm thì đến năm 2019 cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, đời sống hôn

nhân không đạt được; ông, bà tuy sống chung nhà nhưng ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Bà T không còn tình cảm với ông L, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà T với ông L có 03 con chung tên Trần Quý C, sinh ngày 09-9-2008; Trần Thị Út N, sinh ngày 06-8-2013; Trần Bảo G, sinh ngày 20-4-2021. Hiện nay các con đều sống chung với vợ chồng bà T, ông L. Bà T yêu cầu giao 03 con chung tên Trần Bảo G, Trần Thị Út N, Trần Quý C cho bà T nuôi dưỡng đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, vì bà có khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Đối với bị đơn: Ông Trần Văn L đã được Toà án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng ông L đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Toà án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

3. Ý kiến của con chung:

Trong biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 30-12-2024, con chung tên Trần Thị Út N, sinh ngày 06-8-2013 có nguyện vọng được sống chung với bà Lê Thị T.

Toà án có yêu cầu bà Lê Thị T và ông Trần Văn L dẫn con chung tên Trần Quý C, sinh ngày 09-9-2008 đến Toà án để ghi nguyện vọng của cháu khi giải quyết yêu cầu ly hôn giữa bà T với ông L. Tuy nhiên, bà T và ông L đều không thực hiện và Toà án cũng không ghi ý kiến của cháu C được. Theo bà T trình bày thì cháu C đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh, không xin nghỉ được.

4. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông Trần Văn L chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Có cơ sở chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn là bà Lê Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Văn L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của các đương sự không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Trần Văn L được Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 8 năm 2008. Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự tham gia hòa giải, nhưng ông Trần Văn L đều vắng mặt; bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì cho rằng bà không còn tình cảm với ông L, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Điều này chứng tỏ, bà T và ông L không có thiện chí hoà giải đoàn tụ, từ đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T với ông L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà T với ông L có 03 con chung tên Trần Quý C, sinh ngày 09-9-2008; Trần Thị Út N, sinh ngày 06-8-2013; Trần Bảo G, sinh ngày 20-4-2021. Hiện nay các con đều sống chung với bà T và ông L. Bà T yêu cầu giao 03 con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, bà không yêu cầu cấp dưỡng vì bà có khả năng nuôi con.

Xét thấy, ông L không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của bà T; bên cạnh đó, thì cháu Trần Thị Út N cũng có nguyện vọng được sống chung với bà T; còn cháu Trần Bảo G, sinh ngày 20-4-2021 còn nhỏ và hiện nay do bà T trực tiếp nuôi dưỡng; đối với cháu Trần Quý C, theo đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ghi ngày 25-12-2024 bà T trình bày là cháu C hiện nay đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh, không xin nghỉ được nên Tòa án không ghi nguyện vọng của cháu C được. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung; đồng thời cũng nhằm ổn định cuộc sống cho các cháu, nên cần giao cháu Trần Quý C, Trần Thị Út N và Trần Bảo G cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Ông L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống chung với bà T; ông L cũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy

định của khoản 1 và 2 Điều 81; khoản 1 và 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông L không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, khoản 1 và 2 Điều 81, khoản 1 và 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Thị T được ly hôn với bị đơn ông Trần Văn L.

1.2. Về con chung:

- Giao con chung tên Trần Quý C, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2008; Trần Thị Út N, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2013 và Trần Bảo G, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2021 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Trần Quý C, Trần Thị Út N và Trần Bảo G tròn 18 (mười tám) tuổi.

- Ông Trần Văn L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con chung là Trần Quý C, Trần Thị Út N và Trần Bảo G được sống chung với bà Lê Thị T.

- Ông Trần Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Bà Lê Thị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Trần Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Ông Trần Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008254 ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh